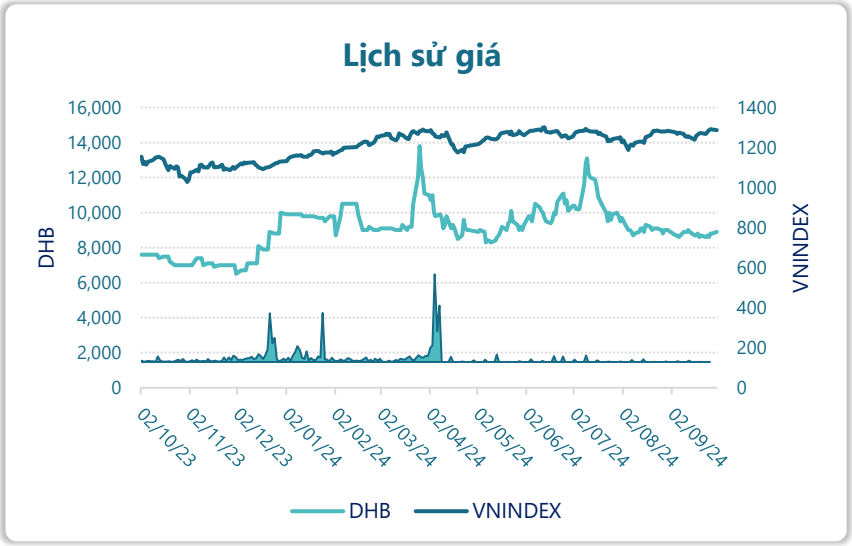
FireAnt

CTCP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (UPCOM: DHB)



Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**8,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,500
SL cổ phiếu LH	272,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,545
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,423
P/E	1.5
EPS	5,835

DT thuần

Q3/24

1,025

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 67.0| 7.0%

YoY: ▼113| -10.0%

LN sau thuế

Q3/24

38.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 175| 128%

YoY: ▲ 347| 112%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

8.7%

+/- YoY: ▲ 20.2%

DT thuần

9T 2024

2,992

tỷ VNĐ

YoY: ▼232| -7.2%

LN sau thuế

9T 2024

-61.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 727| 92.3%

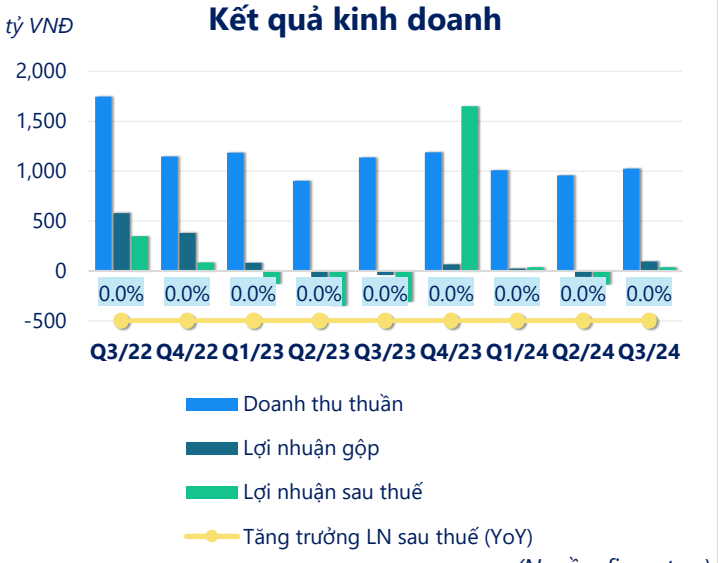
ROE

Q3/24

-648%

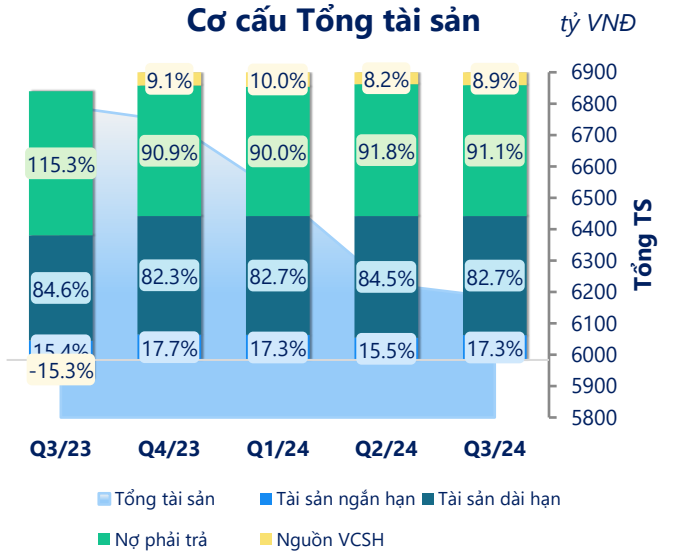
+/- YoY: ▼ 750%

Kết quả kinh doanh



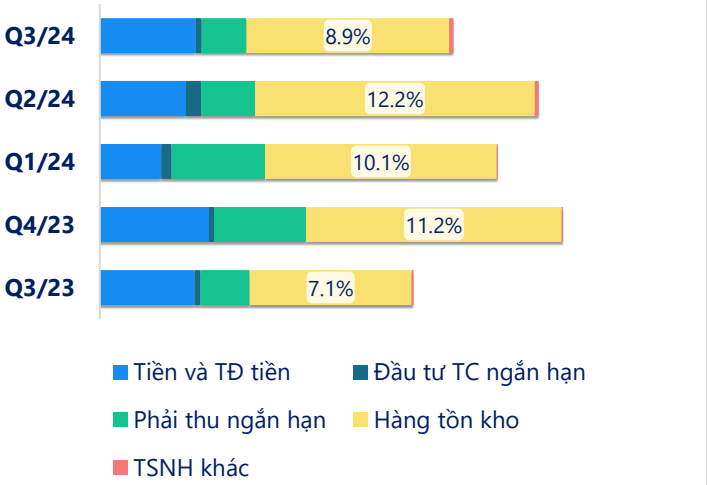
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



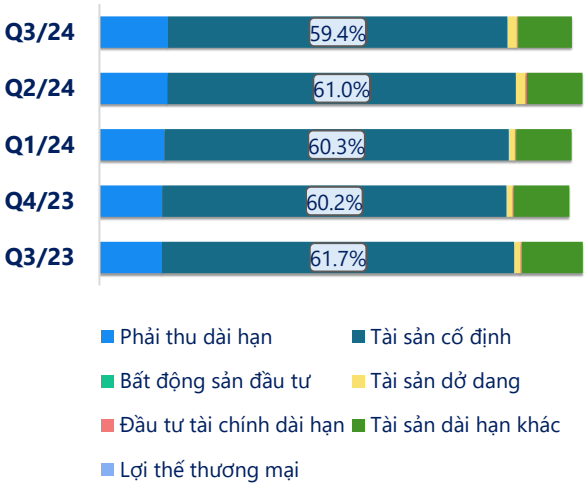
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



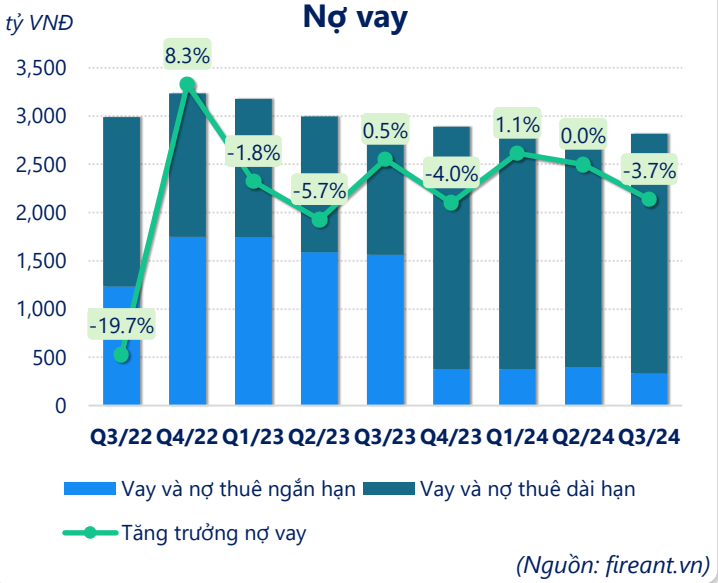
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



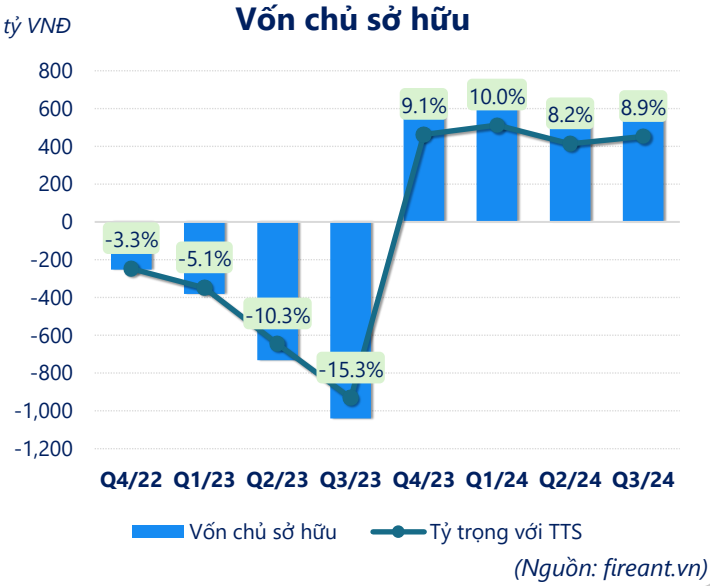
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



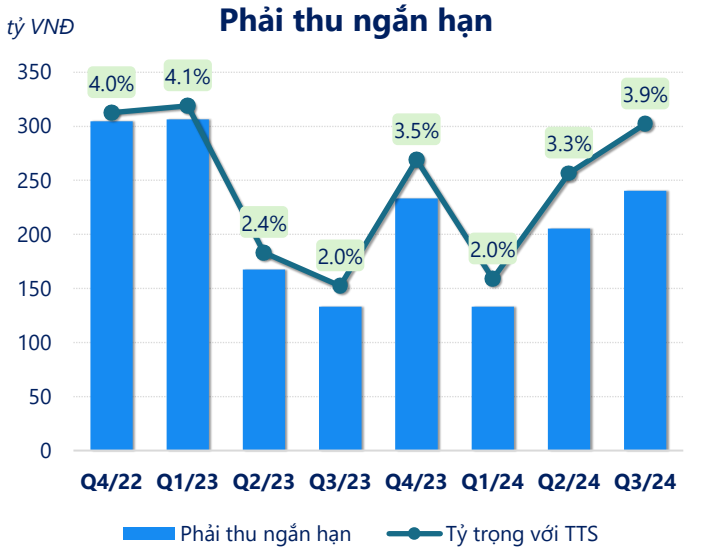
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



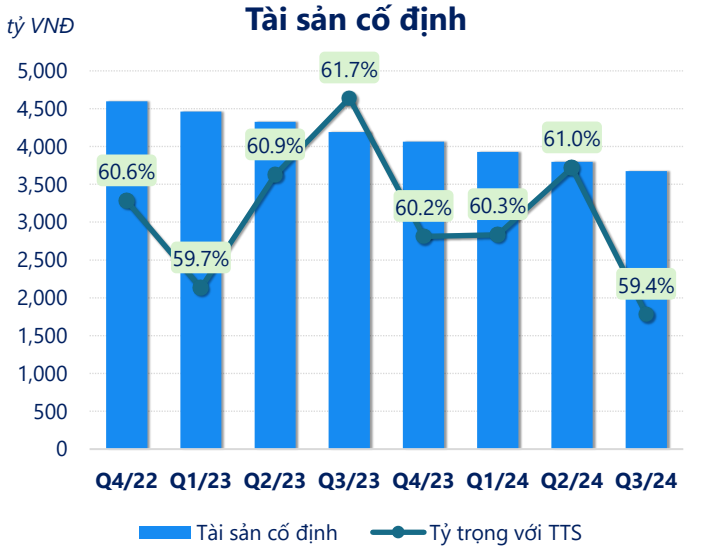
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



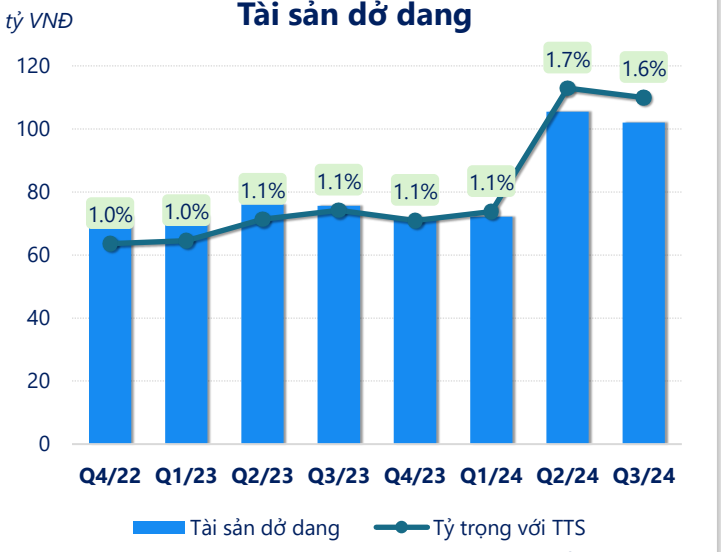
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



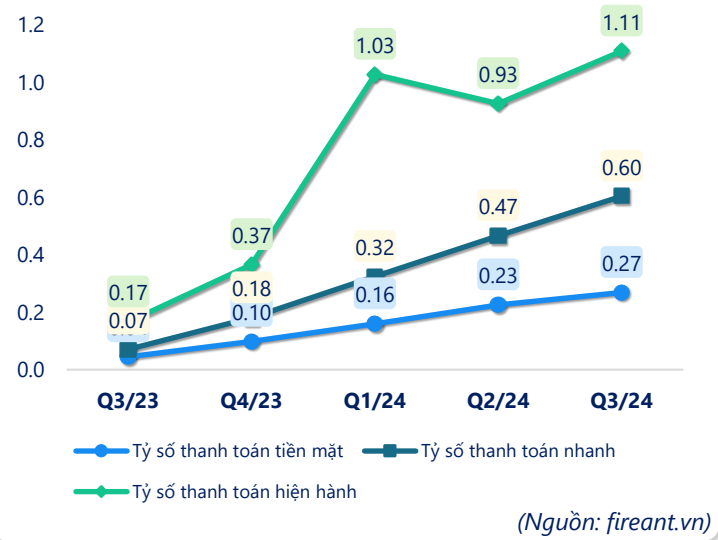
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



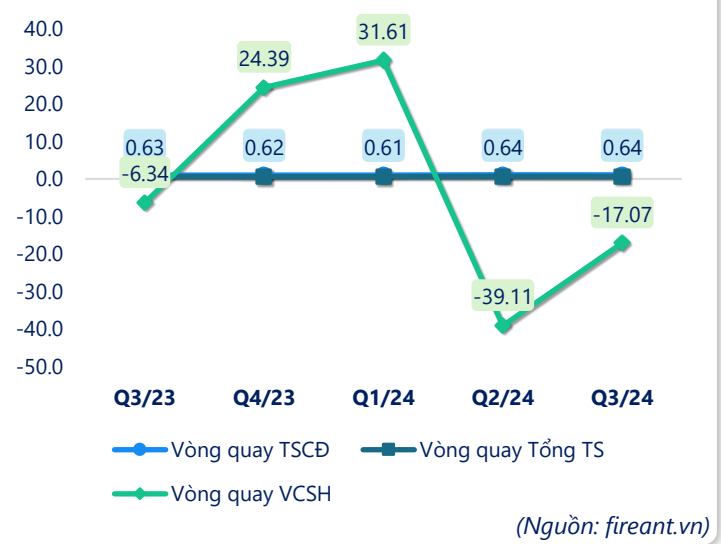
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	**6,794**	**6,746**	**6,519**	**6,225**	**6,184**
Tài sản ngắn hạn	**1,048**	**1,197**	**1,131**	**963**	**1,071**
Tiền và tương đương tiền	282	322	175	234	259
Đầu tư tài chính ngắn hạn	18.0	18.0	18.0	18.0	48.0
Phải thu ngắn hạn	133	233	133	205	240
Hàng tồn kho	603	606	774	478	488
Tài sản ngắn hạn khác	12.5	17.9	29.9	27.0	35.5
Tài sản dài hạn	**5,746**	**5,549**	**5,388**	**5,262**	**5,113**
Phải thu dài hạn	741	741	741	741	741
Tài sản cố định	4,193	4,064	3,929	3,796	3,675
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	75.6	71.8	72.1	105	102
Đầu tư tài chính dài hạn	13.2	13.2	13.2	13.2	13.2
Tài sản dài hạn khác	724	659	633	607	582
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**7,835**	**6,131**	**5,869**	**5,713**	**5,633**
Nợ ngắn hạn	**6,317**	**3,277**	**1,100**	**1,040**	**966**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,563	374	374	400	333
Phải trả người bán ngắn hạn	330	415	381	342	345
Nợ dài hạn	1,518	2,854	4,768	4,673	4,667
Vay và nợ thuê dài hạn	1,446	2,515	2,548	2,522	2,482
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-1,041**	**614**	**650**	**512**	**551**
Vốn chủ sở hữu	**-1,041**	**614**	**650**	**512**	**551**
Vốn điều lệ	2,722	2,722	2,722	2,722	2,722
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)